

**TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT**

Thời gian: 01/07/2025 - 31/07/2025

Bộ phận: Phòng Kỹ thuật công nghệ và Môi trường - Cảng HKQT Tân Sơn Nhất

Người lập: Nguyễn Thị Thu Chức vụ: Nhân viên giám sát môi trường

**BÁO CÁO THÔNG SỐ TRẠM QUAN TRẮC NƯỚC THẢI TỰ ĐỘNG LIÊN TỤC CỦA HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI NHÀ GA QUỐC TẾ T2**

Thông số theo QCVN 14:2008//BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K=1,0)

Bảng thống kê số liệu quan trắc tháng 7 năm 2025

Thông số	Total2 (Trạm 1) (m3)	Total1 (Trạm 1) (m3)	FlowOut (Trạm 1) (m3/h)	Flow In2 (Trạm 1) (m3/h)	Flow In1 (Trạm 1) (m3/h)	NH4 (Trạm 1) (mg/l)	Temp (Trạm 1) (oC)	TSS (Trạm 1) (mg/l)	Ph (Trạm 1)	COD (Trạm 1) (mg/l)
Tháng 07/2025										
01/07	228.947.140 9	109.657.494 0	70.2075	40.4948	20.0222	7.3520	28.6000	49.4867	5.5861	36.6265
02/07	229.907.923 7	110.090.025 2	61.8838	38.6292	15.9973	7.4065	28.6000	39.0768	5.1737	36.4198
03/07	230.878.749 4	110.527.436 9	68.6196	39.9921	19.6257	7.4046	28.6000	41.1773	5.1000	36.3824
04/07	231.878.494 0	111.033.646 6	69.7952	44.3574	22.3795	7.3840	28.6000	42.5110	5.1000	36.3828

Thông số	Total2 (Trạm 1) (m3)	Total1 (Trạm 1) (m3)	FlowOut (Trạm 1) (m3/h)	Flow In2 (Trạm 1) (m3/h)	Flow In1 (Trạm 1) (m3/h)	NH4 (Trạm 1) (mg/l)	Temp (Trạm 1) (oC)	TSS (Trạm 1) (mg/l)	Ph (Trạm 1)	COD (Trạm 1) (mg/l)
05/07	232.895.531 6	111.551.927 9	62.3969	43.1736	22.5680	7.3719	28.6000	35.3147	5.1000	36.3826
06/07	233.956.475 9	112.105.832 5	65.6222	42.5951	22.0510	7.3753	28.6000	29.9222	5.1000	36.3833
07/07	234.992.307 8	112.638.093 6	66.7471	44.8382	22.6249	7.3657	28.6000	32.7038	5.1026	36.3835
08/07	236.114.224 9	113.195.859 3	70.0724	48.4851	23.5093	7.4044	28.6000	31.2646	5.1615	36.4141
09/07	237.168.490 3	113.705.693 8	57.8596	39.2485	19.3734	7.3579	28.6000	35.9354	5.1409	36.4035
10/07	238.154.246 9	114.195.456 3	63.0472	43.3550	21.7496	7.3446	28.6000	50.8623	5.6742	36.6692
11/07	239.264.648 2	114.749.647 6	70.3402	46.9253	23.2599	7.3895	28.6000	68.5793	6.7491	37.2078
12/07	240.451.594 2	115.318.022 6	72.8372	52.0328	23.9265	7.4222	28.6000	45.1562	6.7304	37.1975
13/07	241.530.231 5	115.824.250 8	50.3123	33.7619	16.3308	7.4061	28.6000	35.3689	6.9657	37.3153
14/07	242.391.478 3	116.252.293 4	68.0644	46.4317	23.5651	7.3553	28.6000	32.9856	6.9482	37.3061
15/07	243.604.734 4	116.863.753 1	68.8836	49.9685	24.9158	7.3916	28.6000	45.7101	6.7440	37.2043
16/07	244.737.014 7	117.421.632 4	64.7336	45.0123	21.8928	7.3526	28.6000	40.3583	6.5473	37.1058
17/07	245.824.505 7	117.949.327 5	64.9137	43.2959	21.3204	7.3850	28.6000	36.7227	6.5128	37.0893
18/07	246.876.431 9	118.471.986 5	69.5697	47.7179	23.5338	7.3522	28.6000	39.3423	6.6398	37.1530
19/07	248.060.315 2	119.051.703 2	72.2398	47.0326	23.0682	7.3864	28.6000	45.6733	6.6070	37.1365
20/07	249.188.827 9	119.607.115 0	72.6314	49.6830	24.4439	7.3715	28.6000	44.1820	6.8305	37.2481
21/07	250.395.714 5	120.187.064 0	72.2388	49.7442	23.2242	7.3626	28.6000	44.8470	7.0034	37.3342

Thông số	Total2 (Trạm 1) (m3)	Total1 (Trạm 1) (m3)	FlowOut (Trạm 1) (m3/h)	Flow In2 (Trạm 1) (m3/h)	Flow In1 (Trạm 1) (m3/h)	NH4 (Trạm 1) (mg/l)	Temp (Trạm 1) (oC)	TSS (Trạm 1) (mg/l)	Ph (Trạm 1)	COD (Trạm 1) (mg/l)
22/07	251.546.838 6	120.715.347 1	65.4290	49.3168	22.4963	7.3534	28.6000	39.0286	7.0986	37.3819
23/07	252.704.675 5	121.252.164 4	67.4496	46.5729	21.8586	7.3447	28.6000	32.7495	7.0390	37.3518
24/07	253.893.578 3	121.806.355 5	64.7558	48.3386	21.9913	7.3958	28.6000	32.9560	6.8953	37.2805
25/07	255.006.905 4	122.318.693 8	70.2852	48.6487	23.0252	7.3884	28.6000	34.8829	6.8564	37.2606
26/07	256.144.958 6	122.851.457 5	65.9600	45.9293	20.9191	7.4093	28.6000	38.8073	6.9500	37.3085
27/07	257.301.207 4	123.380.638 7	68.1559	47.4614	21.7119	7.3521	28.6000	43.0601	6.8484	37.2564
28/07	258.466.574 2	123.910.733 4	70.0206	49.5451	21.8813	7.3681	28.6000	39.4100	6.7603	37.2125
29/07	259.613.534 0	124.416.025 1	64.0504	45.2946	20.2392	7.3880	28.6000	41.2914	6.9350	37.2995
30/07	260.666.321 1	124.888.327 9	64.7240	47.5693	21.3276	7.3464	28.6000	44.8590	6.9572	37.3250
31/07	261.829.228 3	125.411.383 6	66.5712	48.4873	21.6002	7.3807	28.6000	44.5531	6.9522	37.3093
Trung bình tháng 07	244980.4162	117462.8835	66.7877	45.6109	21.8204	7.3764	28.6000	40.6058	6.3164	36.9913
Giá trị giới hạn theo QCVN 14:2008//BTN MT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K=1,0)	2.250 m3/ngày					10	-	100	5-9	-